

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/DS-ST
Ngày: 22/03/2024
“V/v tranh chấp hợp đồng góp
hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Ly
- Bà Phạm Xuân Đào

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 393/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự về hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2024/QĐHPT ngày 22 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thùy L, sinh năm 1988; địa chỉ: số A, tổ C, khóm Thị 2, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Bà Thùy L ủy quyền cho ông Bùi Quốc N, sinh năm 1981; địa chỉ: số D; khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang. Theo văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 03 năm 2023 đã được Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang; có ý kiến xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Kim H, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Ông Trần Thanh N1 (T), sinh năm 1982; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà **Phạm Thị Thùy L** trình bày: Do chỗ quen biết với bà **H**, ông **T (N1)**, nên bà **H**, ông **N1 (T)** có tham gia 01 dây hụi 3.000.000 đồng đ/tháng khai ngày 15/4/2018 (al) hụi có 33 hụi viên do bà làm chủ, dây hụi này bà **H**, ông **T (N1)** tham gia 02 phần (trong dây hụi này bà ghi tên **Hiếu T1** nằm số thứ tự số (05 và số 30) cụ thể như sau:

Phần hụi thứ nhất: Khai đầu tiên thì bà **H**, ông **T1 (N1)** bỏ hụi hốt. Đến phần hụi thứ 02 hụi khai đến lần thứ 06 thì bà **H**, ông **T1 (N1)** cũng bỏ hụi hốt, sau khi hốt xong thì bà **H**, ông **T1 (N1)** có trả dần số tiền trong 02 phần hụi nên còn lại số tiền 124.000.000 đồng thì bà **H**, ông **T1 (N1)** không trả tiếp tục, sau đó bà có lại đòi bà **H**, ông **T1 (N1)** cứ hứa nhưng không thực hiện. Đến ngày 14/02/2023 bà làm đơn thưa ra **ban Á, xã L, huyện C, tỉnh An Giang** thì bà **H** thừa nhận có thiếu tiền hụi của bà là 124.000.000 đồng và hứa mỗi tháng trả 300.000 đồng nhưng bà không đồng ý. Tại phiên tòa bà **L** xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông **T1 (N1)** không yêu cầu ông **T1 (N1)** cùng có nghĩa vụ liên đới với bà **H** để trả số tiền hụi là 124.000.000 đồng, bà chỉ yêu cầu bà **H** có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hụi còn thiếu lại là 124.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại văn bản trình bày ý kiến xin vắng mặt của người đại diện theo ủy quyền của bà **Phạm Thị Thùy L (Q)** là ông **Bùi Quốc N** có ý kiến trình bày như sau:

Năm 2018 bà **L** có làm chủ hụi dây hụi 3.000.000 đồng đ/tháng khai ngày 15/4/2018 (al) hụi có 33 hụi viên, phần hụi thứ nhất khai đầu tiên thì bà **H** bỏ hụi hốt và chầu được 04 lần hụi chết. Đến phần hụi thứ 02 hụi khai đến lần thứ 06 thì bà **H** cũng bỏ hụi hốt, sau khi hốt xong thì bà **H**, ông **T1 (N1)** có trả dần số tiền trong 02 phần hụi nên còn lại số tiền 124.000.000 đồng.

Việc bà **H** chơi hụi thì ông **N1** biết rất rõ, ông **N1** cũng có nhận tiền hụi của bà **L**, đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, nên ông **N1** cũng phải có nghĩa vụ cùng bà **H** trả nợ hụi cho bà **L**.

Bà **L** có ra ban **ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang**, tại biên bản hòa giải ngày 14/02/2023 bà **H** thừa nhận có thiếu tiền hụi của bà **L** là 124.000.000 đồng.

Vì vậy, ông đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông **Trần Thanh N1**, bà **Võ Thị Kim H** có nghĩa vụ liên đới trả cho bà **L** số tiền hụi còn thiếu lại là 124.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); danh sách hụi viên (bản photo).

- Bà **Võ Thị Kim H**, ông **Trần Thanh N1 (T1)** đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; không còn tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Bị đơn bà **Võ Thị Kim H**, ông **Trần Thanh N1 (T1)** vắng mặt không có ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà **Phạm Thị Thùy Linh H1** kiện yêu cầu **Võ Thị Kim H**, ông **Trần Thanh N1 (T1)** có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hui cho bà số tiền hui 124.000.000. Bà **H**, ông **T1 (N1)** có nơi cư trú tại **ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang**. Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Trước khi phiên tòa được bà **Võ Thị Kim H**, ông **Trần Thanh N1 (T1)** đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **T1 (N1)**, bà **H** theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:

Qua lời khai và lời trình bày của bà **L** tại các biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ cung cấp và qua quá trình bà giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xác định giữa bà **L** với bà **H**, ông **T1** có ký kết hợp đồng góp hụi giữa hai bên phù hợp với quy định của pháp luật. Nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, không trái đạo đức xã hội, do bà **H**, ông **T1** không trả số tiền hụi khi bà **L** có yêu cầu là vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 282, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong số các tài liệu, chứng cứ do bà **L** cung cấp có danh sách dây hụi thể hiện dây hụi được bà **H**, **T1** nằm các số thứ tự số thứ tự số 05 và số 30 trong dây hụi.

Lời khai của người làm chứng cùng với dây hụi với bà **L** thì cũng xác định bà **H** có tham gia chơi hụi trong các dây hụi mà bà **L** làm chủ và hiện nay bà **H** còn thiếu lại bà **L** số tiền hụi 124.000.000 đồng.

Như vậy, lời khai của bà **L** phù hợp với danh sách hụi và lời khai của những người tham gia chơi hụi cùng bà **L**. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **L**.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nghĩa vụ trả nợ của bị đơn:

Bà **L** yêu cầu ông **T1** (**N1**), bà **H** cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền hụi 124.000.000 đồng.

Tại phiên Tòa bà **L** cũng xin rút lại yêu cầu liên đới đối với ông **T1** (**N1**), do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên cần Đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp với quy định pháp luật được quy định tại Điều 217, 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của bà **L** tại phiên Tòa vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **L** là phù hợp với quy định pháp luật tại các Điều 466, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án bà **L** không yêu cầu tính lãi suất. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà **H** phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bà **L** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 282, 466, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 217, 218, 227, 228, 235, 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Phạm Thị Thùy L.**

Buộc bà **Võ Thị Kim H** có nghĩa vụ trả cho bà **Phạm Thị Thùy L.** số tiền **hụi 124.000.000 đồng** (một trăm hai mươi bốn triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà **Phạm Thị Thùy L** yêu cầu ông **T1 (N1)** có nghĩa vụ liên đới với bà **H** trả cho bà số tiền **hụi 124.000.000 đồng** (một trăm hai mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **Võ Thị Kim H** phải chịu **6.200.000 đồng** (sáu triệu hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà **Phạm Thị Thùy L** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà **Phạm Thị Thùy L** số tiền tạm ứng án phí **3.100.000 đồng** mà bà **Phạm Thị Thùy L** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0014712** do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới cấp ngày **01 tháng 12 năm 2023**

3. Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn **15 (mười lăm) ngày** kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn